

HẠN MỨC GIAO DỊCH TỐI ĐA TRÊN SMARTBANKING DÀNH CHO KHCN VIỆT NAM CƯ TRÚ

(Áp dụng từ 21/07/2025)

TT	Dịch vụ	Hạn mức cơ bản		Hạn mức tiêu chuẩn		Hạn mức cao		Hạn mức ưu tiên		Hạn mức EKYC		Hạn mức BCH		Hạn mức mở khóa AutoBlock qua TTCSKH		Số lần giao dịch
		Số tiền tối đa/giao dịch (VND)	Số tiền tối đa/ngày (VND)	Số tiền tối đa/giao dịch (VND)	Số tiền tối đa/ngày (VND)	Số tiền tối đa/giao dịch (VND)	Số tiền tối đa/ngày (VND)	Số tiền tối đa/giao dịch (VND)	Số tiền tối đa/ngày (VND)	Số tiền tối đa/giao dịch (VND)	Số tiền tối đa/ngày, tối đa/tháng (VND)	Số tiền tối đa/giao dịch (VND)	Số tiền tối đa/ngày (VND)	Số tiền tối đa/giao dịch (VND)	Số tiền tối đa/ngày (VND)	
I	Chuyển khoản cho người hưởng tại BIDV															
1	Chuyển khoản chính chủ tài khoản	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	100trđ	100trđ	500trđ	500trđ	500trđ	500trđ	1000
2	Chuyển tiền khác (hạn mức tổng): - Chuyển khoản khác chủ tài khoản (đến STK/Số thẻ); đến số điện thoại - Chuyển tiền nhanh 24/7 - Chuyển tiền thường - Tặng quà - Chuyển tiền từ thiện	100trđ	500trđ	1 tỷđ	3 tỷđ	3 tỷđ	5 tỷđ	5 tỷđ	20 tỷđ	100trđ	100trđ	30trđ	100trđ	30trđ	100trđ	1000
II	Thanh toán/Tiền gửi/ Tiền vay															
3	Thanh toán thẻ tín dụng	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	1000
4	Thanh toán (Với từng dịch vụ, áp dụng theo quy định của nhà cung cấp)	5 tỷđ	5 tỷđ	5 tỷđ	5 tỷđ	5 tỷđ	5 tỷđ	5 tỷđ	5 tỷđ	100trđ	100trđ	100trđ	100trđ	100trđ	100trđ	1000
	Nạp tiền điện thoại	0,5trđ	10trđ	0,5trđ	10trđ	0,5trđ	10trđ	0,5trđ	10trđ	100trđ	100trđ	0,5trđ	30trđ	0,5trđ	30trđ	1000
	Nạp tiền ví điện tử	1 tỷđ	1 tỷđ	1 tỷđ	1 tỷđ	1 tỷđ	1 tỷđ	1 tỷđ	1 tỷđ	100trđ	100trđ	100trđ	100trđ	100trđ	100trđ	1000
	Thanh toán QRcode	50trđ	100trđ	300trđ	1 tỷđ	300trđ	1 tỷđ	300trđ	1 tỷđ	100trđ	100trđ	10trđ	30trđ	10trđ	30trđ	1000
	Thanh toán QR quốc tế	499tr	499trđ	499trđ	499trđ	499trđ	499trđ	499trđ	499trđ	100trđ	100trđ	30trđ	100trđ	Không áp dụng	Không áp dụng	1000
	Nạp tiền thẻ y tế	100trđ	500trđ	1 tỷđ	3 tỷđ	3 tỷđ	5 tỷđ	5 tỷđ	20 tỷđ	100trđ	100trđ	30trđ	100trđ	30trđ	100trđ	1000

TT	Dịch vụ	Hạn mức cơ bản		Hạn mức tiêu chuẩn		Hạn mức cao		Hạn mức ưu tiên		Hạn mức EKYC		Hạn mức BCH		Hạn mức mở khóa AutoBlock qua TTCSKH		Số lần giao dịch		
		Số tiền tối đa/giao dịch (VND)	Số tiền tối đa/ngày (VND)	Số tiền tối đa/giao dịch (VND)	Số tiền tối đa/ngày (VND)	Số tiền tối đa/giao dịch (VND)	Số tiền tối đa/ngày (VND)	Số tiền tối đa/giao dịch (VND)	Số tiền tối đa/ngày (VND)	Số tiền tối đa/giao dịch (VND)	Số tiền tối đa/ngày, tối đa/tháng (VND)	Số tiền tối đa/giao dịch (VND)	Số tiền tối đa/ngày (VND)	Số tiền tối đa/giao dịch (VND)	Số tiền tối đa/ngày (VND)			
5	Gửi/rút tiền tiết kiệm có kỳ hạn/ tích lũy	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không giới hạn	Không g giới hạn	
6	Bán ngoại tệ (giá trị quy đổi tương đương sang VND)	5 tỷđ	5 tỷđ	5 tỷđ	5 tỷđ	5 tỷđ	5 tỷđ	5 tỷđ	5 tỷđ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	1000	
7	Trả nợ khoản vay	300trđ	300trđ	300trđ	300trđ	300trđ	300trđ	300trđ	300trđ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	1000	
8	Chấm dứt hạn mức thấu chi	1.5 tỷđ	3.5 tỷđ	1.5 tỷđ	3.5 tỷđ	1.5 tỷđ	3.5 tỷđ	1.5 tỷđ	3.5 tỷđ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	1000	
9	Chuyển tiền quốc tế	Theo mục đích chuyển tiền	Theo mục đích chuyển tiền	Theo mục đích chuyển tiền	Theo mục đích chuyển tiền	Theo mục đích chuyển tiền	Theo mục đích chuyển tiền	Theo mục đích chuyển tiền	Theo mục đích chuyển tiền	Theo mục đích chuyển tiền	Theo mục đích chuyển tiền	Theo mục đích chuyển tiền	Theo mục đích chuyển tiền	Theo mục đích chuyển tiền	Theo mục đích chuyển tiền	Theo mục đích chuyển tiền	1000	
10	Phát hành thẻ GNNĐ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	
11	Rút tiền QR	30trđ	70trđ	30trđ	70trđ	30trđ	70trđ	30trđ	70trđ	30trđ	70trđ	30trđ	70trđ	30trđ	70trđ	30trđ	70trđ	1000